TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HÓA** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Quốc Hải.
2. Ông Lê Thanh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Hoàng Quốc T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2016, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải các ngày 19/01/2017, 02/3/2017, 24/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày yêu cầu khởi kiện: Chị Trần Thị Q và anh Hoàng Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã được hòa giải đoàn tụ để cùng nhau chung sống. Tuy nhiên, về sống chung một thời gian, anh T không thay đổi để có trách nhiệm chăm lo cho đời sống của gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng càng ngày trầm trọng, anh T thường xuyên gây gổ, xúc phạm danh dự của chị Q. Nhận thấy tình cảm không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Hoàng Quốc T.

Về con chung: Có 02 con chung là Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 và Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009. Khi ly hôn chị Trần Thị Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh Hoàng Quốc T cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000đồng/02 con/tháng cho đến khi thành niên.

Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị Q không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/01/2017, 08/3/2017, 24/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Quốc T trình bày: Anh T và chị Q tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Anh T có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 và Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh Hoàng Quốc T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Q giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn *(bản sao)*, Giấy khai sinh 02 con *(bản sao)*, sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Hoàng Quốc T *(bản sao, chứng thực)*, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 48/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 14/7/2016 *(bản chính)*. Bị đơn anh Hoàng Quốc T không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Những nội dung đã được chị Q và anh T thống nhất được: Về chia tài sản chung đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những nội dung chị Q và anh T không thống nhất được: Về quan hệ hôn nhân và tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng sân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dặn năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc xét xử được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về tình cảm: Chị Q và anh T kết hôn ngày 04/5/2001 tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình chung sống, sau một thời gian mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra. Nguyên nhân là anh Hoàng Quốc T thiếu bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Có thái độ nhục mạ vợ khi trái ý; không chia sẽ

gắng nặng nợ nần mà để mặc cho vợ tự lo liệu. Vừa phải lo cơm, áo hàng ngày cho con ăn học nhưng lại thiếu sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ lúc khó khăn của người chồng. Vì vậy, tháng 6/2016, chị Q đã làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, TAND huyện Hướng Hóa đã hòa giải đoàn tụ gia đình. Với quyết tâm nuôi dạy con lớn lên trong điều kiện gia đình cùng có bố mẹ; nhưng quyết tâm tưởng chừng đơn giản này của chị Trần Thị Q không thực hiện được bởi lẽ, căn bệnh thiếu bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng của anh Hoàng Quốc T lại tái phát nhưng ở mức nghiêm trọng hơn. Không còn con đường nào khác một lần nữa chị Q nộp đơn xin ly hôn. Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng chị Q vẫn một mực xin ly hôn chứng tỏ mức chịu đựng chấp nhận hoàn cảnh để xây dựng gia đình của chị Q không còn nữ; đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, lý do yêu cầu ly hôn của chị Q là chính đáng, cần được chấp nhận.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 và Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009; khi ly hôn cả hai đều có nguyện vọng nuôi con nên giao cháu Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 cho anh T nuôi; giao Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009 cho chị Q chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử :

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Hồng Quyết được ly hôn với anh Hoàng Quốc T.

Về con chung: Giao con Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 cho anh Hoàng Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009 cho chị Trần Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi anh Hoàng Quốc T nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử thì vào ngày 15/6/2017, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh Hoàng Quốc T.

Đối với yêu cầu ly hôn, HĐXX thấy: Chị Trần Thị Q và anh Hoàng Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thấy mâu thuẫn xảy ra từ lâu và chị Q đã nộp đơn ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải nên vợ chồng đã đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, vợ chồng đoàn tụ được một thời gian thì lại phát sinh mâu thuẫn và chị Thúy nộp đơn yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng tình trạng vợ chồng không thể khắc phục để tiếp tục cùng chung sống được. Nhận thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Trần Thị Q được ly hôn anh Hoàng Quốc T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Q và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 và Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009, hiện cả hai cháu đều đã trên 07 tuổi, đang sống cùng với chị Q và anh T. Anh T và chị Q không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con. Xét nguyện vọng cả hai cháu đều không muốn bố mẹ phải ly hôn và muốn ở cùng với bố và mẹ. Tuy nhiên, anh T và chị Q đều có thu nhập ổn định và đủ điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con; Vì vậy, xét nên giao cháu Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật hôn nhân và Gia đình, và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của □y ban th□ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q được ly hôn anh Hoàng Quốc T.

Về con chung: Giao con Hoàng Sơn A, sinh ngày 01/6/2001 cho anh Hoàng Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Hoàng Sơn T, sinh ngày 22/6/2009 cho chị Trần Thị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 200.000đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2014/0006830 ngày 03 tháng 01 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Chị Trần Thị Q còn phải nộp thêm 100.000đồng.

2. Chị Trần Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/7/2017). Anh Hoàng Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Q.Trị;
-VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND TT T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Trung